

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY TOÀN KHÓA
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH,
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
ÁP DỤNG TỪ KHÓA TUYỂN SINH NĂM 2025

Ngành: **NGÔN NGỮ ANH**

Mã ngành: 7220201

Khoa: Ngôn ngữ

Khối lượng kiến thức toàn khóa: **126** tín chỉ, trong đó:

- Kiến thức đại cương: 46 tín chỉ;
- Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ
- Kiến thức ngành: 27 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 15 tín chỉ
- Thực tập doanh nghiệp và khóa luận tốt nghiệp: 15 tín chỉ

1. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ	Hình thức đánh giá
1	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG: 46 TC (Bắt buộc)		46		
1,1	Lý luận chính trị, pháp luật		13		
1	POL.7.01	Triết học Mác-Lênin	3	IV	Trắc nghiệm + Tự luận
2	POL.7.02	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	V	Trắc nghiệm + Tự luận
3	POL.7.03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	VI	Trắc nghiệm
4	POL.7.04	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	VII	Trắc nghiệm
5	POL.7.05	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	VIII	Trắc nghiệm
6	LAW.7.01	Pháp luật đại cương	2	III	Trắc nghiệm
1,2	Ngoại ngữ - Tin học		12		
7	FOL.7.01	Ngoại ngữ 1	3	I	Tự luận
8	FOL.7.02	Ngoại ngữ 2	3	II	Trắc nghiệm+Tự luận
9	FOL.7.03	Ngoại ngữ 3	3	III	Trắc nghiệm+Tự luận
10	BIT.7.01	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	3	I	TN + Thực hành
1,3	Kiến thức liên ngành		21		
11	ORI.7.01	Nhập môn nghề nghiệp	2	I	Bài thu hoạch

12	JSL.7.01	Kỹ năng tìm việc và hội nhập doanh nghiệp	2	VIII	Vấn đáp
13	REM.7.01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	VII	Đồ án
14	EBS.7.01	Marketing ứng dụng	3	V	Trắc nghiệm + Tự luận
15	ETS.7.01	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3	II	Đồ án
16	EBS.7.02	Kỹ năng bán hàng và đàm phán trong kinh doanh	3	VI	Trắc nghiệm + Tự luận
17	ESS.7.01	Quản trị bản thân	3	IV	Đồ án
18	EBS.7.03	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	3	VII	Đồ án
2	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 80 TC (68 TC Bắt buộc, 12 TC Tự chọn)		80		
2,1	Khối kiến thức cơ sở ngành: 23 TC (Bắt buộc: 20 TC; Tự chọn: 3 TC)		23		
	Bắt buộc: 20 TC		20		
19	ENL.7.01	Đọc 1	3	II	Trắc nghiệm + Tự luận
20	ENL.7.02	Viết 1	3	II	Tự luận
21	ENL.7.03	Giao tiếp 1	3	II	TN+TL+VĐ
22	ENL.7.04	Đọc 2	3	III	Trắc nghiệm + Tự luận
23	ENL.7.05	Viết 2	3	IV	Tự luận
24	ENL.7.06	Giao tiếp 2	3	III	TN+TL+VĐ
25	ENL.7.07	Ngữ âm thực hành	2	I	Vấn đáp
	Tự chọn: 3 TC/9 TC (chọn 1 trong 3 học phần)		3		
26	ENL.7.08	Ngữ pháp Tiếng Anh	3	I	Trắc nghiệm + Tự luận
27	ENL.7.09	Biên dịch 1	3	I	Tự luận
28	ENL.7.10	Dẫn luận ngôn ngữ	3	I	Tự luận
2,2	Khối kiến thức ngành: 27 TC (Bắt buộc: 21TC; Tự chọn: 6 TC)		27		
	Bắt buộc: 21TC		21		
29	ENL.7.11	Đọc 3	3	IV	Trắc nghiệm + Tự luận
30	ENL.7.12	Viết 3	3	V	Tự luận
31	ENL.7.13	Giao tiếp 3	3	IV	TN+TL+VĐ
32	ENL.7.14	Đọc 4	3	V	Trắc nghiệm + Tự luận
33	ENL.7.15	Viết 4	3	V	Tự luận
34	ENL.7.16	Giao tiếp 4	3	VI	TN+TL+VĐ
35	ENL.7.17	Văn hoá Anh - Mỹ	3	VI	Đồ án
	Tự chọn: 6 TC/12 TC (chọn 2 trong 4 học phần)		6		
36	ENL.7.18	Giao thoa văn hoá	3	VI	Đồ án
37	ENL.7.19	Diễn thuyết trước công chúng	3	VI	Đồ án
38	ENL.7.20	Biên dịch 2	3	VII	Tự luận

39	ENL.7.21	Hình thái - Cú pháp	3	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
2,3	Khối kiến thức chuyên ngành: 15 TC (Bắt buộc: 12 TC, Tự chọn: 3 TC)		15		
2.3.1	Chuyên ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh				
	Bắt buộc: 12 TC		12		
40	MEL.7.01	Lý thuyết giảng dạy tiếng Anh	3	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
41	MEL.7.02	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	VII	Đồ án
42	MEL.7.03	Kiểm tra đánh giá năng lực ngoại ngữ	3	VIII	Đồ án
43	MEL.7.04	Thực tập giảng dạy	3	VIII	Đồ án
	Tự chọn: 3 TC/12 TC (chọn 1 trong 3 học phần)		3		
44	MEL.7.05	Kỹ năng giảng dạy và quản lý lớp học	3	VIII	Đồ án
45	MEL.7.06	Phương pháp dạy Tiếng Anh cho trẻ em	3	VIII	Đồ án
46	MEL.7.07	Kỹ thuật trong giảng dạy ngoại ngữ	3	VIII	Đồ án
2.3.2	Chuyên ngành Tiếng Anh thương mại				
	Bắt buộc: 12 TC		12		
47	BUE.7.01	Tiếng Anh thương mại 1	3	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
48	BUE.7.02	Tiếng Anh thương mại 2	3	VII	Trắc nghiệm + Tự luận
49	BUE.7.03	Tiếng Anh thương mại 3	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
50	BUE.7.04	Tiếng Anh chuyên ngành marketing	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
	Tự chọn: 3 TC/12 TC (chọn 1 trong 3 học phần)		3		
51	BUE.7.05	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
52	BUE.7.06	Tiếng Anh tài chính ngân hàng	3	VIII	Trắc nghiệm + Tự luận
53	BUE.7.07	Phiên dịch thương mại	3	VIII	Vấn đáp
2.3.3	Chuyên ngành Tiếng Anh du lịch, nhà hàng, khách sạn				
	Bắt buộc: 9 TC		12		
54	ETR.7.01	Tiếng Anh du lịch 1	3	VII	Đồ án
55	ETR.7.02	Tiếng Anh khách sạn	3	VII	Đồ án
56	ETR.7.03	Tiếng Anh nhà hàng	3	VIII	Đồ án
57	ETR.7.04	Tiếng Anh du lịch 2	3	VIII	Đồ án
	Tự chọn: 3 TC/12 TC (chọn 1 trong 3 học phần)		3		
58	TTS.7.02	Tổng quan du lịch	3	VIII	Tự luận
59	ETR.7.05	Tiếng Anh cảnh điểm du lịch Huế	3	VIII	Đồ án
60	TTS.7.28	Quản lý điểm đến	3	VIII	Đồ án



2,4	Thực tập doanh nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp: 15 TC (Bắt buộc)		15		
61	ENL.7.22	Thực tập doanh nghiệp	9	IX	Báo cáo thực tập
62	ENL.7.23	Khóa luận tốt nghiệp	6	IX	Khóa luận tốt nghiệp
3	KHỐI KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY TÍN CHỈ				
3,1	DSE.7.01	Giáo dục quốc phòng và an ninh		III	
3,2	PHE.7.01	Giáo dục thể chất 1	1	I	
3,3	PHE.7.02	Giáo dục thể chất 2	1	II	
3,4	PHE.7.03	Giáo dục thể chất 3	1	III	
		Tổng	126	<i>(Không bao gồm GDQP-AN và GDTC)</i>	

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Các đơn vị (đề t/h);
- Đăng website trường;
- Lưu: VT, ĐT. CVT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
PHÚ XUÂN

TS. Nguyễn Duy Thuận